

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

Hà Nội, Năm 2021

M.S.D.N.
H.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		765.922.462.840	774.606.022.828
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.140.969.256	23.376.993.432
1. Tiền	111		13.840.969.256	23.376.993.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		1.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			1.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		515.693.080.319	533.304.890.239
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	259.483.570.723	264.901.564.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	114.266.379.457	108.302.425.683
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		106.862.571.146	128.268.638.312
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	111.190.382.894	107.942.085.611
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(76.109.823.901)	(76.109.823.901)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	191.795.896.934	181.590.881.930
1. Hàng tồn kho	141		191.795.896.934	181.590.881.930
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.292.516.331	35.133.257.227
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	6.381.124.554	3.483.053.118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.904.709.959	31.639.099.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	6.681.818	11.104.569
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.651.047.078.487	1.516.519.198.394
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.731.280.005	4.731.280.005
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	115.840.818	115.840.818
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.615.439.187	4.615.439.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220		336.406.098.868	348.366.191.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	336.305.324.652	348.231.825.978
- Nguyên giá	222		725.485.098.680	725.485.098.680
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(389.179.774.028)	(377.253.272.702)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	100.774.216	134.365.630
- Nguyên giá	228		2.665.500.000	2.665.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.564.725.784)	(2.531.134.370)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	911.540.461.450	765.763.995.102
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		911.540.461.450	765.763.995.102
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	394.626.242.345	391.924.550.969
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		197.363.103.574	194.661.412.198
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		280.928.443.866	280.928.443.866
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(83.665.305.095)	(83.665.305.095)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.742.995.819	5.733.180.710
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.054.050.560	3.148.724.482
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.688.945.259	2.584.456.228
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.416.969.541.327	2.291.125.221.222

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.817.685.687.335	1.701.828.579.272
I. Nợ ngắn hạn	310		678.127.175.110	719.052.622.723
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	99.574.493.904	117.508.342.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	273.794.078.461	276.532.959.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.807.193.776	10.892.957.322
4. Phải trả người lao động	314		6.696.347.810	9.705.604.778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	65.797.203.019	53.697.697.531
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.379.276.653	1.414.329.465
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	100.305.302.769	104.899.651.356
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	105.793.723.867	127.416.525.322
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.979.554.851	16.984.554.851
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1.139.558.512.225	982.775.956.549
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	141.817.084.665	158.560.540.427
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18		
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	199.284.824.000	198.784.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	798.456.603.560	625.430.592.122
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		599.283.853.992	589.296.641.950
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	593.299.046.514	583.311.834.472
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(54.331.026.750)	(54.331.026.750)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.641.166.827	55.641.166.827
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		297.827.163.275	289.750.169.418
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		288.784.620.456	289.564.480.897
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.042.542.819	185.688.521
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		79.161.743.162	77.251.524.977
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.416.969.541.327	2.291.125.221.222

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Quang Hưng



Lê Văn An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.855.920.423	39.367.928.303
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3	43.855.920.423	39.367.928.303
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	30.261.383.491	29.980.421.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.594.536.932	9.387.506.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	3.615.895.261	2.369.935.784
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	5.371.080.280	4.659.209.477
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.371.080.280	4.658.912.544
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.957.022.152	3.932.734.893
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.116.229.900	5.682.520.640
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26) + (24)}	30		9.680.144.165	5.348.447.281
11. Thu nhập khác	31	VI.8	177.578.098	32.166.622
12. Chi phí khác	32	VI.9	164.840.682	165.004.954
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		12.737.416	(132.838.332)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.692.881.581	5.215.608.949
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	754.827.793	438.265.111
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(104.489.031)	64.497.652
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.042.542.819	4.712.846.186
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.332.324.635	4.583.059.399
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		710.218.184	129.786.787
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	430	237
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		430	237

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Quang Hưng



Lê Văn An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9.692.881.581	5.215.608.949
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		10.758.255.607	10.757.700.501
- Khấu hao TSCĐ	02	11.960.092.740	12.401.458.634
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.572.917.413)	(6.302.670.677)
- Chi phí lãi vay	06	5.371.080.280	4.658.912.544
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	20.451.137.188	15.973.309.450
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.244.169.774)	(24.598.729.438)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.205.015.004)	(21.845.440.889)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.534.968.767)	(37.319.783.694)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(803.397.514)	511.635.272
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.813.621.935)	(2.576.142.189)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(263.155.124)	(704.151.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(22.413.190.930)	(70.559.302.896)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(145.813.463.128)	(14.057.044.009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.572.979.049	146.966.135
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(123.240.484.079)	(16.910.077.874)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	980.000.000	8.080.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(54.331.026.750)
3. Tiền thu từ đi vay	33	200.564.973.316	68.611.443.729

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2021
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2020
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.540.548.033)	(50.248.178.015)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.786.774.450)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>136.217.650.833</i>	<i>(27.887.761.036)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(9.436.024.176)	(115.357.141.806)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.576.993.432	145.985.607.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	15.140.969.256	30.628.465.705

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Hưng

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 4 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này (Xem Thuyết minh I.5a). Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 nhưng chưa đi vào hoạt động, Công ty mẹ chưa góp vốn. Do đó, Công ty con này không phát sinh số liệu phải hợp nhất trong năm.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Điện Sông Mực	Thôn Xuân Lai, xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90,00%	90,00%	100%

Các công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi	Tổ 1, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	48,69%	48,69%	51,00%
Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP	Số 215 Đường Ngọc Hồi, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	40,00%	40,00%	51,00%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	220 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân Golf Hòa Bình-Geleximco, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	Làng Byang, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	39,77%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Agreesteel – Việt Nam	Số 6 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%

5d. Tình hình hoạt động của các Công ty con

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mông chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mông được Công ty mẹ trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi và Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.021.311.027	1.755.963.676
Tiền gửi ngân hàng	9.819.658.229	21.621.029.756
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	1.300.000.000	-
Cộng	<u>15.140.969.256</u>	<u>23.376.993.432</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Các công ty được phân ánh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu						
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	4.203.700.000	(4.203.700.000)	-	4.203.700.000	(4.203.700.000)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	22.080.000.000	2.204.680.590	24.284.680.590	22.080.000.000	2.239.964.786	24.319.964.786
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.439.680.000	(464.137.982)	1.975.542.018	2.439.680.000	(464.137.982)	1.975.542.018
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	6.028.780.000	3.219.634.822	9.248.414.822	6.028.780.000	3.219.634.822	9.248.414.822
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	7.079.880.000	1.337.321.972	8.417.201.972	7.079.880.000	1.357.805.183	8.437.685.183
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	9.357.100.000	1.582.900.842	10.940.000.842	9.357.100.000	1.593.901.935	10.951.001.935
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	6.667.000.000	11.888.188.445	18.555.188.445	6.667.000.000	11.928.472.406	18.595.472.406
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	4.000.000.000	(568.172.842)	3.431.827.158	4.000.000.000	(568.172.842)	3.431.827.158
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng						
Đông Dương	2.600.000.000	758.545.137	3.358.545.137	2.600.000.000	758.545.137	3.358.545.137
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	1.796.036.596	-	1.796.036.596	1.796.036.596	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đaksrông	26.700.000.000	24.522.342.068	51.222.342.068	26.700.000.000	22.352.306.926	49.052.306.926
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện	14.892.300.000	24.612.396.802	39.504.696.802	14.892.300.000	22.972.658.485	37.864.958.485
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	9.113.853.216	-	9.113.853.216	9.113.853.216	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	1.200.000.000	114.425.265	1.314.425.265	1.200.000.000	114.425.265	1.314.425.265
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	22.125.000.000	(15.160.842.831)	6.964.157.170	22.125.000.000	(14.159.813.208)	7.965.186.792
Các công ty được phân ánh theo phương pháp giá gốc						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	-	7.236.191.473	7.236.191.473	-	7.236.191.473
Cộng	147.519.521.285	49.843.582.289	197.363.103.574	147.519.521.285	47.141.890.913	194.661.412.198

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giảm vốn góp trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	24.319.964.786	-	2.279.404	-	-37.563.600	24.284.680.590
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	1.975.542.018	-	-	-	-	1.975.542.018
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	9.248.414.822	-	-	-	-	9.248.414.822
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.437.685.183	-	10.500.255	-	-30.983.466	8.417.201.972
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	10.951.001.935	-	-8.250.831	-	-2.750.262	10.940.000.842
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	18.595.472.406	-	345.873.703	-	-386.157.664	18.555.188.445
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	3.431.827.158	-	-	-	-	3.431.827.158
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng	-	-	-	-	-	-
Đông Dương	3.358.545.137	-	-	-	-	3.358.545.137
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	1.796.036.596	-	-	-	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đakrông	49.052.306.926	-	2.258.426.214	-	-88.391.072	51.222.342.068
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	37.864.958.485	-	1.349.223.030	-	290.515.287	39.504.696.802
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	9.113.853.216	-	-	-	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.314.425.265	-	-	-	-	1.314.425.265
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	7.965.186.792	-	(1.001.029.623)	-	1	6.964.157.170
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	-	-	-	-	7.236.191.473
Cộng	194.661.412.198	-	2.957.022.152	-	(255.330.776)	197.363.103.574

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(1.045.958.000)	1.723.110.000	(1.045.958.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	206.666.690	-	206.666.690	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000	-	4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176	(384.317.176)	384.317.176	(384.317.176)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	270.300.000.000	(71.350.188.446)	270.300.000.000	(71.350.188.446)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Cộng	280.928.443.866	(76.429.113.622)	280.928.443.866	(76.429.113.622)

2d. Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	83.665.305.095	67.043.268.190
Trích lập dự phòng bổ sung	0	16.622.036.905
Số cuối kỳ	83.665.305.095	83.665.305.095

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	8.138.312.680	12.475.234.259
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	557.872.514	557.872.514
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.831.349.783	1.831.349.783
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	5.467.621.383	9.804.542.962
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	-	-
Phải thu các khách hàng khác	251.345.258.043	252.426.330.275
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	25.817.736.800	25.817.736.800
Power Machines	175.847.457.164	175.847.457.164
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	9.516.543.175	11.983.747.325
Các khách hàng khác	40.163.520.904	38.777.388.986
Cộng	259.483.570.723	264.901.564.534

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	14.743.858.323	14.910.337.991
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	400.000.000	400.000.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	421.736.105	421.736.105
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	1.220.167.844	20.222.897
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	3.661.593.403	4.099.836.018
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	3.908.384.340	4.836.566.340
Trả trước cho các người bán khác	95.722.521.134	93.392.087.692
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm công nghiệp quốc tế	17.162.220.930	17.159.292.930
Công ty TNHH Kỹ thuật thương mại Balkan Voith Hydro Pvt.Ltd	17.556.363.081	19.987.976.775
		5.403.194.563
Các nhà cung cấp khác	64.803.937.123	50.841.623.424
Cộng	114.266.379.457	108.302.425.683

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	105.362.571.146	126.768.638.312
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	104.547.146.973	125.753.214.139
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Sông Hồng		200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	815.424.173	815.424.173
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Thuận Phát	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	106.862.571.146	128.268.638.312

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	68.378.987.502	(2.108.027.428)	55.170.869.090	(2.108.027.428)
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	286.634.174	-	286.634.174	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	25.133.497.343	(1.700.000.000)	25.133.497.343	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.590.613.576	-	4.590.613.576	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi 1	3.744.113.651	-	3.339.261.651	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	159.123.190	-	159.123.190	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	8.106.450	-	8.106.450	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	166.578.807	-	166.578.807	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê Lê Bích Hạnh	24.218.058.655	-	21.079.026.471	-
	9.664.234.228			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	42.811.395.392	(10.903.017.941)	52.771.216.521	(10.903.017.941)
Tạm ứng	21.103.398.603	(6.699.633.315)	20.365.428.979	(6.699.633.315)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937	-	8.615.873.937	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.092.122.852	(4.203.384.626)	23.789.913.605	(4.203.384.626)
Cộng	111.190.382.894	(13.011.045.369)	107.942.085.611	(13.011.045.369)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng ⁽ⁱ⁾	4.302.999.187	4.302.999.187
Ký cược, ký quỹ khác	312.440.000	312.440.000
Cộng	4.615.439.187	4.615.439.187

(i) Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	2.389.496.428	(2.389.496.428)	2.389.496.428	(2.389.496.428)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.981.469.000	(1.981.469.000)	1.981.469.000	(1.981.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Các tổ chức và cá nhân khác	109.295.461.989	(73.720.327.473)	109.295.461.989	(73.720.327.473)
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.184.062.138	(1.184.062.138)	1.184.062.138	(1.184.062.138)
Power Machines	94.349.286.853	(59.389.576.510)	94.349.286.853	(59.389.576.510)
Tạm ứng	6.699.633.315	(6.699.633.315)	6.699.633.315	(6.699.633.315)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.062.479.683	(6.447.055.510)	7.062.479.683	(6.447.055.510)
Cộng	111.684.958.417	(76.109.823.901)	111.684.958.417	(76.109.823.901)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.444.717.415	-	37.499.704.010	-
Công cụ, dụng cụ	820.690.897	-	918.128.169	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.538.992.755	-	96.747.939.440	-
Thành phẩm	2.321.646.031	-	2.321.646.031	-
Hàng hóa	38.669.849.836	-	44.103.464.280	-
Cộng	191.795.896.934	-	181.590.881.930	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	76.042.122	19.518.449
Chi phí bảo hiểm	65.612.500	133.896.297
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.239.469.932	3.329.638.372
Cộng	<u>6.381.124.554</u>	<u>3.483.053.118</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	239.769.347	505.769.082
Chi phí sửa chữa		2.125.931.845
Các chi phí trả trước dài hạn khác	814.281.213	517.023.555
Cộng	<u>1.054.050.560</u>	<u>3.148.724.482</u>

12/03/2021

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	147.994.742.609	307.384.949.764	268.524.884.239	1.055.815.455	524.706.613	725.485.098.680
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	147.994.742.609	307.384.949.764	268.524.884.239	1.055.815.455	524.706.613	725.485.098.680
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	65.995.730.290	157.974.930.741	151.872.956.522	884.948.536	524.706.613	377.253.272.702
Khấu hao trong năm	968.315.528	5.088.622.580	5.850.709.049	18.854.170	-	11.926.501.326
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	66.964.045.818	163.063.553.321	157.723.665.571	903.802.706	524.706.613	389.179.774.028
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	81.999.012.319	149.410.019.023	116.651.927.717	170.866.919	-	348.231.825.978
Số cuối năm	81.030.696.791	144.321.396.444	110.801.218.668	152.012.750	-	336.305.324.652

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.665.500.000	2.531.134.370	134.365.630
Khấu hao trong kỳ		33.591.414	33.591.414
Số cuối kỳ	<u>2.665.500.000</u>	<u>2.564.725.784</u>	<u>100.774.216</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>129.892.400</i>			<i>129.892.400</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>765.634.102.702</i>	<i>145.776.466.348</i>		<i>911.410.569.050</i>
Công trình Thủy điện Bản Mòng	543.576.649.630	128.220.909.927		671.797.559.557
Công trình Thủy điện Ngàn Trươi	218.734.995.942	17.409.022.991		236.144.018.933
Công trình khác	3.322.457.130	146.533.430		3.468.990.560
Cộng	<u>765.763.995.102</u>	<u>145.776.466.348</u>		<u>911.540.461.450</u>

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>42.185.204.332</i>	<i>44.167.021.120</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.375.408.337	3.988.400.076
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	19.203.871.602	20.002.388.212
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.661.642.758	1.661.642.758
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	775.331.157	775.331.157
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	7.533.366.883	9.577.456.559
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	216.985.213	216.985.213
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	6.096.144.741	4.495.707.254
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	3.322.453.641	3.449.109.891
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>57.389.289.572</i>	<i>73.341.321.432</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	29.354.567.960	29.354.567.960
Các nhà cung cấp khác	28.034.721.612	43.986.753.472
Cộng	<u>99.574.493.904</u>	<u>117.508.342.552</u>

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>50.735.092.492</i>	<i>55.336.913.113</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.344.841.798	4.731.850.059
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	17.713.206.420	17.713.206.420
Công ty CP Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	3.170.197.324	3.170.197.324
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	16.465.085.100	20.056.091.220
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	10.041.761.850	9.665.568.090
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>91.081.992.173</i>	<i>103.223.627.314</i>
Cộng	<u>141.817.084.665</u>	<u>158.560.540.427</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>273.794.078.461</i>	<i>276.532.959.546</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	254.921.673.752	257.660.554.837
Các khách hàng khác	18.872.404.709	18.872.404.709
Cộng	<u>273.794.078.461</u>	<u>276.532.959.546</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Kim 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.959.874.723	10.229.569	3.655.804.425	5.303.682.375	2.307.574.022	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			674.053.255	674.053.255		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.170.161	875.000	754.827.793	263.155.124	781.842.830	5.806.818
Thuế thu nhập cá nhân	437.731.086		113.063.872	394.420.661	156.374.297	
Thuế tài nguyên						
Thuế nhà đất, tiền thuê đất						
Phí môi trường rừng						
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.096.865.600	-	78.062.450	2.378.010.555	1.174.928.050	
Các loại thuế khác	1.790.220.745	-	1.796.569.653		1.208.779.843	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.318.095.007		800.158.400	940.558.673	3.177.694.734	
Cộng	10.892.957.322	11.104.569	7.872.539.848	9.953.880.643	8.807.193.776	6.681.818

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.741.048.436	8.271.697.631
Trích trước chi phí công trình	60.336.567.186	45.341.814.388
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	719.587.397	84.185.512
Cộng	65.797.203.019	53.697.697.531

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê văn phòng	47.921.352	82.974.164
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	1.331.355.301	1.331.355.301
Cộng	1.379.276.653	1.414.329.465

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.649.952.294	6.649.952.294
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	462.000.000	462.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	381.928.018	381.928.018
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	3.655.071.478	3.655.071.478
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	1.336.171.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Công ty TNHH Sản phẩm thép Agrimeco & JFE	102.031	102.031
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	93.655.350.475	98.249.699.062
Kinh phí công đoàn	1.083.409.913	1.048.861.591
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.939.621.678	1.543.976.817
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.552.263.095	24.528.037.545
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	70.080.055.789	71.128.823.109
Cộng	100.305.302.769	104.899.651.356

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	134.400.000.000	134.400.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng	134.400.000.000	134.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	64.384.824.000	64.384.824.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	8.782.710.000	8.782.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Đakrông	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long - Tạm ứng hợp tác kinh doanh	46.000.000.000	46.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	3.052.114.000	2.552.114.000
Cộng	199.284.824.000	198.784.824.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I	100.853.009.867	83.723.947.883
Vay ngắn hạn các cá nhân	4.940.714.000	4.940.714.000
Vay dài hạn đến hạn trả		38.751.863.439
Cộng	<u>105.793.723.867</u>	<u>127.416.525.322</u>

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn bên liên quan</i>	<i>84.180.000.000</i>	<i>85.913.010.352</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	80.000.000.000	80.000.000.000
Ông Đồng Tuấn Vũ	4.180.000.000	4.180.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường		233.010.352
Bà Lê Bích Hạnh		1.500.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>695.027.173.410</i>	<i>517.968.151.620</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1	544.808.050.541	387.103.577.656
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	150.219.122.869	130.864.573.964
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.249.430.150</i>	<i>21.549.430.150</i>
Cộng	<u>798.456.603.560</u>	<u>625.430.592.122</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.984.554.851	12.400.572.336
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		6.018.382.515
Chi quỹ	(1.005.000.000)	(1.434.400.000)
Số cuối kỳ	<u>15.979.554.851</u>	<u>16.984.554.851</u>

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.584.456.228	1.519.636.400
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	104.489.031	1.064.819.828
Số cuối kỳ	<u>2.688.945.259</u>	<u>2.584.456.228</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	215.000.000.000	-	51.342.507.391	311.421.999.031	62.416.734.024	640.181.240.446
Công ty con phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	20.920.000.000	20.920.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	185.688.521	1.789.009.775	1.974.698.296
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(54.331.026.750)	-	-	-	(54.331.026.750)
Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(2.876.551.574)	-	(2.876.551.574)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	4.298.659.436	(7.206.866.560)	(233.623.817)	(3.141.830.941)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.622.900.000)	(7.623.795.005)	(19.246.695.005)
Trích thù lao HĐQT và Kiểm soát viên ở Công ty con	-	-	-	(151.200.000)	(16.800.000)	(168.000.000)
Số dư cuối năm trước	215.000.000.000	(54.331.026.750)	55.641.166.827	289.750.169.418	77.251.524.977	583.311.834.472
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	55.641.166.827	289.750.169.418	77.251.524.977	583.311.834.472
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.332.324.635	710.218.185	9.042.542.819
Tặng khác	-	-	-	(255.330.778)	-	(255.330.778)
Số dư cuối năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	55.641.166.827	297.827.163.275	79.161.743.161	593.299.046.514

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	2.128.500	2.128.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.371.500	19.371.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

23a. Tài sản nhận giữ hộ

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông Nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.378.771.387 VND, số đầu năm là 2.387.959.951 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây lắp	20.447.569.504	20.920.209.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ	562.479.734	2.664.075.255
Doanh thu bán điện	22.845.871.185	15.783.643.966
Cộng	<u>43.855.920.423</u>	<u>39.367.928.303</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây lắp	24.424.702.797	23.336.332.288
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.896.713	1.110.007.029
Giá vốn bán điện	5.784.783.981	5.534.082.265
Cộng	<u>30.261.383.491</u>	<u>29.980.421.582</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	3.596.679.402	2.369.935.784
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.215.859	
Cộng	<u>3.615.895.261</u>	<u>2.369.935.784</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	5.371.080.280	4.658.912.544
Chi phí tài chính khác		296.933
Cộng	<u>5.371.080.280</u>	<u>4.659.209.477</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

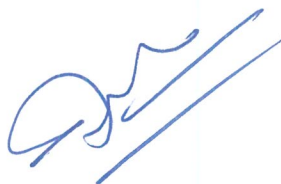
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì		
Chi phí bảo hành		
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.516.613.922	4.239.596.621
Chi phí vật liệu quản lý	41.954.013	59.857.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.995.666	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.688.934	395.366.805
Thuế, phí và lệ phí	87.514.200	84.973.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	97.034.680	47.774.398
Các chi phí khác	1.001.428.485	854.951.593
Cộng	5.116.229.900	5.682.520.640
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu tiền điện, nước	177.578.098	
Thu nhập khác		32.166.622
Cộng	177.578.098	32.166.622
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí điện nước	132.840.653	
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	1.981.604	15.807.064
Chi phí khác	30.018.425	149.197.890
Cộng	164.840.682	165.004.954

Lập, ngày ... tháng năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch
HĐQT



Lê Quang Hưng

Lê Văn An